ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 178 /GPMT-UBND	*Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 30/CV-CMBH ngày 19 tháng 5 năm 2022 và các Văn bản số: 64/CV-BHOA ngày 04 tháng 10 năm 2022, số 94/CV-BHOA ngày 06 tháng 12 năm 2022 và số 93/CV-BHOA ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa về việc giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Siêu thị Co.opmart Biên Hòa" tại số 121, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 681/TTr-STNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa địa chỉ tại số 121, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Siêu thị Co.opmart Biên Hòa tại số 121, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án: Siêu thị Co.opmart Biên Hòa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại số 121, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3600753610, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10 tháng 10 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3600753610.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị tự chọn, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu, lương thực, thực phẩm tươi sống; sơ chế, chế biến rau, củ, quả, trái cây; thịt và thủy hải sản; sản xuất bánh từ bột; dịch vụ ăn uống.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Phạm vi: Siêu thị Co.opmart Biên Hòa có diện tích xây dựng là 4.841,1 m^2.

- Công suất: 6.000 mặt hàng/tháng đối với ngành hàng thực phẩm; 11.000 mặt hàng/tháng đối với ngành hàng phi thực phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 04 tháng 12 năm 2023 đến ngày 04 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Siêu thị Co.opmart Biên Hòa;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 178/GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình sinh hoạt.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các hoạt động trong siêu thị: sơ chế, chế biến thực phẩm, vệ sinh sàn, thiết bị.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Săn Máu và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải: Số 121, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1212036; Y = 399749

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 150 m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1 và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2 về nước thải sinh hoạt.

Stt	Tên	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD_5 (20^oC)	mg/l	29,7		
3	COD	mg/l	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
7	Sunfua	mg/l	0,198		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		

9	Tổng nitơ	mg/l	19,8		
10	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96		
11	Clo dư	mg/l	0,99		
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nhà vệ sinh (tầng hầm, tầng trệt, tầng 1, tầng 2, tầng 3) được thu gom bằng đường ống PVC với kích thước từ Ø42 - Ø60 - Ø114mm đến tầng hầm của siêu thị, sau đó qua hố trung chuyển dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn.

- Nước thải sau khi qua bể tự hoại được thu gom về hố bơm trung gian bơm về hố thu gom hệ thống xử lý nước thải. Nước thải từ các khu vực hoạt động kinh doanh của siêu thị:

+ Nước thải từ tầng trệt:

Đối với khu vực sơ chế thực phẩm tươi sống: Được thu gom qua bồn tách mỡ tại chỗ dẫn qua bể trung gian rồi về hệ thống xử lý nước thải.

Đối với khu vực tại gian hàng bánh mì, khu vực cho thuê tạm thời: Nước thải theo qua bể lắng tại chỗ trực tiếp đi về hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải từ khu vực sơ chế, chế biến và nấu chín thực phẩm ở tầng 2: Nước thải qua bồn tách mỡ tại chỗ rồi theo đường ống PVC Ø60 - Ø90mm, chiều dài 150m đến hố thu, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải từ các khu vực cho thuê dịch vụ ăn uống và khu nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom về hố bơm trung gian bơm đến mương dẫn nước thải về hố thu gom hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn, rửa phương tiện, dụng cụ, xe đẩy: Được thu gom bằng đường ống PVC Ø60 - Ø90 - Ø114mm, sau đó dẫn vào công trình bể tách mỡ/lắng cặn của hệ thống xử lý nước thải.

Ngoài ra còn có nước thải từ hệ thống điều hòa không khí. Nước giải nhiệt của máy lạnh được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài. Riêng phần hơi nước ngưng tụ trên các dàn trao đổi nhiệt sẽ được xả ra ngoài theo đường ống dẫn thoát với nước mưa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể tự hoại 3 ngăn → bể thu gom → bể tách mỡ 1, 2, 3 → bể điều hòa → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể MBR → hệ thống thoát nước của khu vực → suối Săn Máu → sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 150 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được đưa về bể điều hòa (có thể tích khoảng 42 m^3) để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, bắt đầu kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m^3/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nguồn số 1: Đầu vào của công trình xử lý nước thải tại bể thu gom nước thải; đầu ra của công trình xử lý nước thải tại điểm xả thải ra cống thoát nước chung của khu vực.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Công ty không thực hiện lấy mẫu (theo khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo giấy phép môi trường. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn yêu cầu trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số

liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng và thay thế, khắc phục tránh nước thải chưa được xử lý thấm vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Có sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 178/GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không phát sinh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc, giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, các bể chứa nước thải và khu vực lưu giữ chất thải.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 178/GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Không phát sinh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chủ cơ sở bố trí máy phát điện riêng biệt trong phòng cách âm; máy được lắp đặt trên bệ cao su làm giảm rung, tiến hành che chắn để giảm ồn, trang bị họng tiêu âm cho miệng cấp, hút gió và họng tiêu âm cho máy phát điện.

- Chủ cơ sở bố trí máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải trong phòng kín, khu vực riêng biệt không có người tập trung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 178/GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	40
2	Các thiết bị, linh kiện điện, điện tử thải có các thành phần nguy hại	19 02 06	NH	30
3	Pin, ắc quy thải	19 06 05	NH	4
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	5
5	Giẻ lau thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	KS	6
	Tổng khối lượng			**85**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton, bao bì giấy	18 01 05	80.000
2	Nhóm nhựa: nylon, bao bì nhựa, pallet nhựa	11 02 04	1.086
3	Sắt, thép phế liệu	-	30
4	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải	12 06 12	60.000
5	Hộp chứa mực in (mực in văn phòng)	08 02 08	2
	Tổng khối lượng		**141.118**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	307
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	190
	Tổng khối lượng	**497**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa chứa chuyên dụng có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo riêng cho từng loại chất thải.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: $3m^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Bố trí tại tầng hầm của cơ sở, có mái che, tường gạch, nền bê tông, có cửa khóa. Trong kho có bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: $27m^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Được lắp ghép bằng các tấm tôn, có mái che, nền bê tông, có cửa khóa, có bố trí các phương tiện thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 660 lít.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: $6m^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông. Nước rỉ rác và nước thải vệ sinh khu vực lưu chứa được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Từ 01/01/2026, đề nghị Công ty không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xốp đóng gói, chứa đựng thực phẩm, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 178/GPMT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án và thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa. Công khai, minh bạch vị trí đấu nối nước mưa, nước thải của dự án.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.